|  |  |
| --- | --- |
|  | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II** |
|  | **MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |
|  |  |
| **a. Khung ma trận** | *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Phân môn Địa lí**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | **Vận dụngcao**  **(TL)** |
| 1 | **Châu Á** | – Đặc điểm tự nhiên  – Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  – Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | 2TN | 1TL |  | 1TL | 20% |
| 2 | **Châu Phi** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội  – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  – Khái quát về Cộng hoà Nam Phi | 2TN | 1TL(a) | 1TL(b) |  | 30% |
| 3 | **Châu Mỹ** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ | 4TN |  |  |  | 10% |
| **Tổng số câu** | | | **8TN** | **3/2TL** | **1/2TL** | **1TL** |  |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | **25%** | **10%** | **5%** | **60%** |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II** |
|  | **MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |
|  | *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)* |
|  |  |

**b) Bảng đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Châu Á** | – Đặc điểm tự nhiên  – Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  – Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | **Nhận biết**  – Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  – Đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á  **Thông hiểu**  – Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Vận dụng cao**  – Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). | 2TN | 1TL |  | 1TL |
| **2** | **Châu Phi** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội  – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  – Khái quát về Cộng hoà Nam Phi | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.  **Thông hiểu**  – Trình bày được một trong những vấn đề nổi cộm về dân cư, xã hội và di sản lịch sử châu Phi: tăng nhanh dân số; vấn đề nạn đói; vấn đề xung đột quân sự,...  **Vận dụng**  – Trình bày được cách thức người dân châu Phi khai thác thiên nhiên ở các môi trường khác nhau (môi trường nước, sinh vật,...) | 2TN | 1/2TL(a) | 1/2TL(b) |  |
| **3** | **Châu Mĩ** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ | **Nhận biết**  – Trình bày khái quát về vị trí địa lí, phạm vi châu Mỹ | 4TN |  |  |  |
| **Tổng số câu** | | |  | **8 câu TNKQ** | **2/3 câu TL** | **1/2 câu TL** | **1 câu TL** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **20** | **25** | **10** | **5** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II** |
| **MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |

**B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**I. TRẮC NGHIỆM** *(1,0 điểm)*

**Chọn và ghi phương án trả lời đúng nhất vào bài kiểm tra**

**Câu 1:** Châu Á gồm bao nhiêu quốc gia và vùng lãnh thổ?

A. 48; B. 49; C. 50; D. 52.

**Câu 2:** Hệ thống núi Hi-ma-lay-a đồ sộ nằm ở khu vực nào của châu Á?

A. Nam Á; B. Đông Á;

C. Trung Á; D. Tây Nam Á.

**Câu 3:** Đặc điểm khí hậu của châu Phi là gì?

A. Nóng và ẩm bậc nhất thế giới;  B. Nóng và khô bậc nhất thế giới;

C. Khô và lạnh bậc nhất thế giới; D. Lạnh và ẩm bậc nhất thế giới.

**Câu 4:** Địa hình toàn bộ châu Phi có độ cao trung bình là

A. 700 m;  B. 750 m; C. 800 m;  D. 850m.

**Câu 5:** Phía đông của châu Mỹ tiếp giáp với:

A. Thái Bình Dương; B. Ấn Độ Dương;

C. Đại Tây Dương; D. Bắc Băng Dương.

**Câu 6:** Châu Mỹ gồm mấy lục địa?

A. 4; B. 3; C. 2; D. 1.

**Câu 7:** Kênh đào Pa-na-ma đi qua khu vực nào của Châu Mỹ?

A. Bắc Mỹ; B. Trung Mỹ;

C. Nam Mỹ; D. Tây Bắc Mỹ.

**Câu 8:** Châu Mỹ nằm hoàn toàn ở:

A. Nửa cầu Bắc; B. Nửa cầu Nam;

C. Nửa cầu Đông; D. Nửa cầu Tây.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** *(4,0 điểm)*

**Câu 1:***(1,0 điểm)* Ý nghĩa của khí hậu đối với đời sống con người và bảo vệ tự nhiên ở Châu Á.

**Câu 2:** (*2,5 điểm*)

1. Trình bày vấn đề nạn đói ở Châu Phi.
2. Người dân Châu Phi đã khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường hoang mạc như thế nào?

**Câu 3:** *(0,5 điểm)*Kể tên một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản?

**I. TRẮC NGHIỆM** *(1,0 điểm)*

**Chọn và ghi phương án trả lời đúng nhất vào bài kiểm tra**

**Câu 1:** Châu Á được phân chia thành mấy khu vực?

A. 4; B. 5;

C. 6; D. 7.

**Câu 2:** Việt Nam nằm ở khu vực nào của châu Á?

A. Đông Á; B. Bắc Á;

C. Nam Á; D. Đông Nam Á.

**Câu 3:** Hoang mạc Xahara nằm ở khu vực nào của châu Phi?

A. Bắc Phi; B. Trung Phi;

C. Nam Phi; D. Đông Phi.

**Câu 4:**Châu Phi nối liền với châu Á bởi eo đất:

A. Pa-na-ma; B. Xuy-ê;

C. Man-sơ; D. Xô-ma-li.

**Câu 5:** Phía bắc của châu Mỹ tiếp giáp với đại dương:

A. Thái Bình Dương; B. Ấn Độ Dương;

C. Đại Tây Dương; D. Bắc Băng Dương.

**Câu 6:** Châu Mỹ **không** tiếp giáp với đại dương:

A. Bắc Băng Dương; B. Đại Tây Dương;

C. Ấn Độ Dương; D. Thái Bình Dương.

**Câu 7:** Châu Mỹ có diện tích khoảng:

A. 41 triệu km2; B. 42 triệu km2;

C. 43 triệu km2; D. 44 triệu km2.

Câu 8: “Tân thế giới” là tên gọi của châu lục nào?

A. Châu Âu;                                               B. Châu Mỹ;

C.  Châu Đại Dương;                                  D. Châu Phi.

**II. PHẦN TỰ LUẬN** *(4,0 điểm)*

**Câu 1:***(1,0 điểm)* Ý nghĩa của địa hình đối với đời sống con người và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.

**Câu 2:** (*2,5 điểm*)

1. Trình bày vấn đề tăng dân số tự nhiên ở Châu Phi.
2. Người dân Châu Phi đã khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm như thế nào?

**Câu 3:** *(0,5 điểm)*Kể tên một số mặt hàng xuất khẩu của Nhật Bản sang Việt Nam

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II** |
| **MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |
|  |
| *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**I. TRẮC N GHIỆM** *(2,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **B** | **B** | **C** | **C** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN** *(4,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **\* Ý nghĩa của khí hậu đối với đời sống con người và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.** | **1,0** |
| + Thuận lợi: nhiều kiểu khí hậu tạo nên sự đa dạng của các sản phẩm nông nghiệp và các hình thức du lịch.  + Khó khăn: chịu nhiều tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai như bão, hạn hán, lũ lụt,… cần có các biện pháp phòng chống và ứng phó thích hợp. | 0,5  0,5 |
| **2** | **Vấn đề nạn đói ở Châu Phi:** | **1,5** |
| - Mỗi năm, có hàng chục triệu người bị nạn đói đe dọa; trong đó, vùng nam hoang mạc Xa-ha-ra là nơi chịu chịu ảnh hưởng nặng nề nhất.  - Hằng năm, rất nhiều quốc gia châu Phi phải phụ thuộc vào viện trợ lương thực của thế giới.  - Nguyên nhân: do tình trạng hạn hán, bất ổn chính trị. | 0,5  0,5  0,5 |
| **Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường hoang mạc:** | **1,0** |
| - Khu vực ốc đảo: trồng cây ăn quả (cam, chanh,...), chà là và 1 số cây lương thực (lúa mạch,...) trên những mảnh ruộng nhỏ.  - Chăn nuôi gia súc (dê, lạc đà,...) theo hình thức du mục.  - Nhờ tiến bộ của kĩ thuật khoan sâu, nhiều mỏ dầu khí lớn, các mỏ khoáng sản và các túi nước ngầm được phát hiện => đem lại nguồn thu lớn.  - Các nước trong khu vực đã có nhiều biện pháp như hợp tác để thành lập “vành đai xanh” chống hoang mạc hóa,... | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **3** | **Một số nông sản của Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản** | **0,5** |
| Thịt gà, chuối, thanh long, vải thiều, nhãn...  *(HS kể 5 mặt hàng cho điểm tối đa)* |  |

|  |
| --- |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II** |
|  |
| **MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |

**I. TRẮC N GHIỆM** *(2,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **B** | **A** | **B** | **B** | **C** | **C** | **B** | **D** |

**II. TỰ LUẬN** *(4,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | **\* Ý nghĩa của địa hình đối với đời sống con người và bảo vệ tự nhiên ở châu Á.** | **1,0** |
| + Thuận lợi:Các khu vực cao nguyên và đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư. Đa dạng về địa hình, có nhiều cảnh quan nhiên đẹp => thuận lợi cho phát triển du lịch  **+** Khó khăn: Địa hình bị chia cắt mạnh, núi cao hiểm trở chiếm tỉ lệ lớn trong tổng diện tích, gây khó khăn cho giao thông, sản xuất và đời sống... khi khai thác cần chú ý vấn đề chống xói mòn, sạt lở đất. | 0,5  0,5 |
| **2** | **Vấn đề tăng dân số tự nhiên ở Châu Phi:** | **1,5** |
| - Số dân khoảng 1.340 triệu người (2020) chiếm khoảng 17% số dân thế giới.  - Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên cao nhất thế giới với 2,54% (2020).  - Gia tăng dân số quá nhanh là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển, dẫn đến đói nghèo, tài nguyên bị khai thác kiệt quệ, suy thoái và ô nhiễm môi trường,. | 0,5  0,5  0,5 |
| **Khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên ở môi trường xích đạo ẩm:** | **1,0** |
| + Với nền nhiệt cao, độ ẩm lớn thích hợp trồng cây quanh năm, gối vụ và xen canh nhiều loại cây.  + Hình thành các khu vực chuyên canh cây công nghiệp (cọ dầu, ca cao,...) theo quy mô lớn để xuất khẩu hoặc cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.  + Tích cực trồng và bảo vệ rừng (do tầng mùn trong đất không dày, lớp phủ thực vật bị tàn phá nhiều nên dễ bị rửa trôi). | 0,25  0,5  0,25 |
| **3** | **Một số mặt hàng Nhật Bản xuất khẩu sang VN** | **0,5** |
| Đồ linh kiện điện tử, máy móc, thiết bị, sắt thép, hóa chất, dầu mỏ, ô tô...  *(HS kể 5 mặt hàng cho điểm tối đa)* |  |

**NHÓM ĐỊA LÍ – TRƯỜNG THCS HỮU NGHỊ**

1. Đặng Thị Ánh Hồng

2. Viên Thị Hoàng Yến

3. Lê Thu Trang